

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 170/2017/HNGĐ- ST

Ngày: 25/9 /2017

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT- TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Mai Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Trọng Tâm

Bà Tống Thị Diệp

- Thư ký phiên toà: Bà Không Thị Hoa – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 752/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 về việc: “ Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 149/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Phương X, sinh năm: 1991(Có mặt)

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn (Chị Đinh Thị Phương X) trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Phương X và anh Nguyễn Văn N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 13/6/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hòa thuận hạnh phúc khoảng 2 năm, sau đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân do anh N thường xuyên đi nhậu về đánh đập chị X và sống không có trách nhiệm

với vợ con. Gia đình đã khuyên can nhiều lần nhưng anh N vẫn không thay đổi. Đầu tháng 9 năm 2015 chị X đã làm đơn ly hôn, sau khi được hòa giải chị đã rút đơn về đoàn tụ, cho anh N cơ hội sửa đổi. Nhưng từ đó đến nay anh N không thay đổi. Đến đầu năm 2016 thì anh chị sống ly thân đến nay nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 23/11/2012, hiện nay, cháu B đang sống với chị. Chị X yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Gia B cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị X không yêu cầu giải quyết vì chị làm nghề vật lý trị liệu tại thành phố H, thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng nên chị có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Quá trình tham gia tố tụng bị đơn (Anh Nguyễn Văn N) trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Việc đăng ký kết hôn như nội dung trình bày trên của chị Đinh Thị Phương X là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng anh có xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống vì vậy thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được chị X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh N đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 23/11/2012. Hiện nay, cháu B đang sống với chị X. Chị X yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu B, anh N không đồng ý. Anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Gia B cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh N không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Anh N làm thợ xây, thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn N.

[2] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của chị Đinh Thị Phương X được ly hôn anh Nguyễn Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Đinh Thị Phương X và anh Nguyễn Văn N tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 13/6/2012, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình duy trì hôn nhân, chị X và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Chị X về nhà mẹ đẻ sống từ đầu năm 2016, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Vợ chồng anh N, chị X thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống đã được gia đình và chính quyền địa phương tổ chức hòa giải nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ, hiện nay vợ chồng chị X, anh N đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị X, anh N đã kéo dài và ở mức trầm trọng, hai bên sống ly thân từ năm 2016 đến nay nhưng không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, sống không còn trách nhiệm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của chị Đinh Thị Phương X được ly hôn anh Nguyễn Văn N là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị X, anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 23/11/2012, hiện nay cháu B đang do chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và thu nhập của X cũng ổn định, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu B. Hơn nữa, cháu B còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ hơn, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Gia B cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu B là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X, anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị X, anh N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Đinh Thị Phương X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Phương X.

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Đinh Thị Phương X được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

- ***Về con chung:*** Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 23/11/2012 cho chị Đinh Thị Phương X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X, anh N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- ***Về tài sản chung, nợ chung:*** Chị X, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị Phương X phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị X được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000939 ngày 26/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chị X không phải nộp tiền án phí nữa.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND phường T
- Dương sự;
- Lưu Văn phòng; Hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Yên

